

Số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Kim Liên;
2. Ông Chau Rót Tha.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa:** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXX- DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp GC, xã LAT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: Tổ 27, ấp TH, xã NT, huyện TT, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Võ Hữu H1, sinh năm: 1976; cư trú: Tổ 09, ấp NT, xã AT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, có mặt bà H - ông H1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2022 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông H1 được hình thành là do tự tìm hiểu, cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2004, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã LAT vào ngày 10/4/2007. Cuộc sống chung hạnh phúc đến khi sinh con vào năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mỗi người có công việc, nhưng việc của ai thì người đó làm, không ai quan tâm ai, từ đó ông H1 lại tỏ ra ghen tuông, nên vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau và ông H1

đánh bà, bà vì con chung mà phải chịu đựng đến cách nay khoảng 2 – 3 năm bà đã làm đơn xin ly hôn với ông H1. Khi Tòa án triệu tập thì ông H1 năn nỉ rồi bà rút đơn, nhưng không lâu sau thì tính tình vẫn trở lại như cũ, nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân nhau với ông H1 từ hơn 03 tháng nay. Trong thời gian ly thân gia đình bỏ mặt không đứng ra hàn gắn. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông H1.

*Về quan hệ con chung:* Bà với ông H1 có 01 con chung tên Võ Thành H2, sinh ngày 26/5/2006 hiện do bà nuôi. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H2, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Về quan hệ tài sản chung:* Bà với ông H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*Về quan hệ nợ chung:* Bà với ông H1 không có nợ chung.

*Bị đơn ông Võ Hữu H1 trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà H được hình thành đúng như bà H trình bày. Nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong thời gian làm ăn mua bán thì bà H có quen biết với người đàn ông khác, ông khuyên ngăn thì bà H không nghe nên mới gây cãi và ông có đánh bà H 01 lần nhưng cách nay đã hơn 06 năm. Ông cũng thừa nhận bà H đã từng 01 lần làm đơn ly hôn với ông và ông xin hàn gắn lại với bà H, tuy nhiên sau đó bà lại cáo gắt và bỏ nhà đi ly thân với ông cách nay hơn 03 tháng. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không gì trầm trọng, nên ông không đồng ý ly hôn.

*Về quan hệ con chung:* Đúng là ông với bà H có 01 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như bà H trình bày. Nếu Tòa án quyết định cho ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Thống nhất với trình bày của bà H.

Giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa, các bên thống nhất tự thỏa thuận về tài sản, về nuôi con và nếu bà H không yêu cầu chia tài sản thì ông đồng ý ly hôn.

*Quan điểm của Kiểm sát viên:*

*Về tố tụng:* Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

*Về nội dung:* Bà H - ông H1 kết hôn chung sống hợp pháp. Quá trình chung sống hai người mâu thuẫn và bà H đã từng gửi đơn ly hôn, nhưng ông H1 xin đoàn tụ. Tuy nhiên, khi trở lại chung sống thì tiếp tục mâu thuẫn. Tại phiên tòa, ông H1 cũng thừa nhận tình cảm giữa ông với bà H đã thật sự không còn, nên bà H xin ly hôn là có căn cứ. Bà H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với ý nguyện của cháu Võ Thành H2; bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên công nhận sự tự nguyện; tài sản chung

hai bên không yêu cầu nên không xem xét. Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà H khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với ông H1, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông H1 có địa chỉ cư trú tại huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết đúng thẩm quyền.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông H1 kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2007, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã LAT ngày 10/4/2007, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà H bảo lưu ý kiến của mình. Thể hiện, do ông H1 ghen tuông, nói xấu bà cho bên ngoài, nên vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau và ông H1 đánh bà... Ông H1 thì không đồng ý ly hôn. Theo đó, HĐXX xét thấy:

Tại các biên bản xác minh vào các ngày 21, 22/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT, thể hiện: Vợ chồng H – H1 đã mâu thuẫn từ 03 năm nay, vợ chồng thường xuyên gây cãi, những lần gây cãi thì bà H có những lời lẽ xúc phạm mẹ chồng, được biết thời gian gần đây bà H có quen biết với người khác nên bỏ nhà đi, mẹ chồng đứng ra hàn gắn nhưng không thành... với thái độ kiên quyết của bà H thì khả năng đoàn tụ là không thể... Riêng tại phiên tòa, chính ông H1 cũng thừa nhận tình cảm giữa ông với bà H là không còn, có trở lại chung sống cũng không hạnh phúc...

Với những chứng cứ thu thập đối chiếu với trình bày hai bên tại tòa, xét mâu thuẫn giữa bà H - ông H1 đã thật sự trầm trọng; đời sống chung là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

*Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Võ Thành H2, từ khi bà H – ông H1 ly thân nhau thì cháu H2 sinh sống bên bà H, tình cảm giữa cháu H2 với bà H đã thật sự gắn bó, tính tại thời điểm xét xử cháu H2 trên 07 tuổi, ý nguyện của cháu sau khi cha mẹ ly hôn cháu tiếp tục sống với mẹ. Để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như để cháu H2 phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên công nhận tự thỏa thuận giữa bà H - ông H1 giao cháu H2 cho bà H tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Việc cấp dưỡng là thể hiện nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên hoặc con đã thành niên không có khả năng lao động tự nuôi sống mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

HĐXX cũng giải thích cho bà H biết: Trong thời gian nuôi con, bà H cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về quan hệ tài sản chung:* Bà H - ông H1 thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

*Về quan hệ nợ chung:* Bà H - ông H1 cùng khai không có nợ chung, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định.

[3] *Về án phí:* Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Võ Hữu H1.

*Về quan hệ con chung:* Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thành H2, sinh ngày 26/5/2006.

Công nhận tự nguyện của bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Bà H cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về quan hệ tài sản chung:* Bà H - ông H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*Về án phí:* Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008188 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (bà H nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/4/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhân:**

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã LAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

**Lê Văn Huệ**